

## MỤC LỤC

<b>PHẦN A. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG</b> .....	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ .....	2
Điều 2. Nguyên tắc áp dụng .....	3
<b>PHẦN B: CẦM CỔ TIỀN GỬI, GIẤY TỜ CÓ GIÁ</b> .....	3
Điều 3. Quản lý TSBĐ và giấy tờ về TSBĐ.....	3
Điều 4. Xử lý TSBĐ.....	4
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của NCB .....	5
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên Cầm cổ và/hoặc Bên được cấp tín dụng .....	6
Điều 7. Giải quyết tranh chấp.....	7
Điều 8. Thông Báo.....	8
Điều 9. Cam kết của Bên Cầm cổ và/hoặc Bên được cấp tín dụng .....	8
<b>PHẦN C: CHO VAY CẦM CỔ TIỀN GỬI, GIẤY TỜ CÓ GIÁ</b> .....	8
Điều 10. Lãi suất .....	8
Điều 11. Quy định về khoản phải trả .....	9
Điều 12. Thu hồi trước hạn các khoản phải trả.....	9
Điều 13. Phương thức trả nợ, thứ tự thu nợ.....	10
Điều 14. Cam kết của Bên được cấp tín dụng.....	10
Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng.....	11
Điều 13. Bảo mật thông tin.....	12
<b>PHỤ LỤC 01: VỀ ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN</b> 14	
<i>(Nội dung được cập nhật theo Điều Khoản và Điều Kiện Chung về Bảo vệ và Xử lý dữ liệu cá nhân do Tổng Giám đốc ban hành theo từng thời kỳ).....</i>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

**ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**VỀ CẦM CỐ TIỀN GỬI/GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ CHO VAY CẦM CỐ TIỀN GỬI/GIẤY TỜ CÓ GIÁ**  
**TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN**  
(Có hiệu lực từ ngày 20/07/2024)

Ngân hàng TMCP Quốc Dân “NCB” cấp tín dụng theo điều khoản, điều kiện sau đây:

**PHẦN A. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. *NCB/Ngân hàng*: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân, bao gồm Hội sở chính, các chi nhánh, Phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc.
2. *Bên được cấp tín dụng*: là cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp tín dụng và được NCB chấp thuận cấp tín dụng theo thỏa thuận tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng. Bên được cấp tín dụng được nêu tại *Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung* có thể đồng thời là Bên cầm cố hoặc bên thứ ba. Thông tin định danh của cá nhân được NCB cấp tín dụng được quy định cụ thể tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn do NCB phát hành kèm khế ước nhận nợ ký giữa Bên được cấp tín dụng và NCB.
3. *Bên Cầm cố*: cá nhân/tổ chức dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình để bảo đảm cho (các) nghĩa vụ được bảo đảm của mình và/hoặc của Bên được cấp tín dụng với NCB.
4. *Cấp tín dụng*: Là việc NCB thỏa thuận để Bên được cấp tín dụng sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.
5. *Hợp đồng cấp tín dụng*: Là các văn bản, Hợp đồng có thỏa thuận cấp tín dụng (bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn do NCB phát hành kèm khế ước nhận nợ, Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, Hợp đồng cho vay; Khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị phát hành Thư tín dụng hoặc Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành Thư tín dụng; Thỏa thuận cấp bảo lãnh; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi; Hợp đồng chiết khấu và/hoặc Hợp đồng/văn bản thỏa thuận khác liên quan đến việc cấp tín dụng, cùng tất cả các Phụ lục, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác được ký kết giữa NCB, Bên được cấp tín dụng và Bên thứ ba khác có liên quan (nếu có)).
6. *Hợp đồng cầm cố* Là các văn bản, Hợp đồng có thỏa thuận về việc cầm cố tiền gửi/giấy tờ có giá và cấp tín dụng (bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn do NCB phát hành kèm khế ước nhận nợ; Hợp đồng cầm cố tiền gửi, giấy tờ có giá do NCB phát hành và/hoặc Hợp đồng/văn bản thỏa thuận khác liên quan đến việc cầm cố tiền gửi/Giấy tờ có giá, cùng tất cả các Phụ lục, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác được ký kết giữa NCB, Bên được cấp tín dụng và Bên thứ ba khác có liên quan (nếu có)).
7. *Các khoản phải trả*: Là toàn bộ các khoản tiền mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán cho NCB, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, chi phí định giá (nếu có), phí công chứng hợp đồng (nếu có), phí đăng ký giao dịch bảo đảm (nếu có), phí bảo hiểm (nếu có), chi phí xử lý tài sản bảo đảm và các khoản phí, chi phí, nghĩa vụ tài chính khác được thỏa thuận cụ thể trong các Hợp đồng cấp tín dụng.
8. *Tiền gửi*: Là Tiền gửi tiết kiệm và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn và/hoặc tiền gửi không kỳ hạn.
9. *Giấy tờ có giá*: Là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện

khác. Giấy tờ có giá bao gồm: giấy tờ có giá loại ghi sổ (dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử) và giấy tờ có giá loại chứng chỉ.

10. *Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung* là Điều khoản điều kiện chung về cầm cố tiền gửi/giấy tờ có giá và cho vay cầm cố tiền gửi/giấy tờ có giá tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân này và tất cả các Phụ lục kèm theo, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

## **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này cùng với (i) Hợp đồng cầm cố, (ii) các thỏa thuận khác giữa NCB với Bên Cầm cố liên quan đến việc cầm cố tiền gửi/Giấy tờ có giá và cấp tín dụng (nếu có), (iii) các thông báo/văn bản do NCB đơn phương gửi Bên Cầm cố theo thỏa thuận cụ thể tại các Hợp đồng cầm cố (nếu có) và (iv) các văn bản cam kết khác mà Bên Cầm cố cam kết với NCB, (v) các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung tương ứng của từng văn kiện giao dịch nêu trên tạo thành một thỏa thuận thống nhất, không tách rời, có giá trị pháp lý như một Hợp đồng cầm cố hoàn chỉnh.
2. Việc nhắc đến thuật ngữ bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này và/hoặc Hợp đồng cầm cố được hiểu rằng đã bao gồm tất cả các văn kiện giao dịch được đề cập tại Khoản 2 Điều này.
3. Bên Cầm cố có nghĩa vụ phải đọc kỹ nội dung (i) các văn bản nêu tại Khoản 2 Điều này, (ii) Văn bản phê duyệt tín dụng NCB gửi Bên Cầm cố, (iii) tất cả các văn bản phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng cầm cố trước khi ký Hợp đồng cầm cố. Việc Bên Cầm cố ký Hợp đồng cầm cố được hiểu là Bên Cầm cố đã đọc, đã được NCB (bao gồm cả cán bộ nhân viên của NCB) giải thích đầy đủ, chi tiết, đã hiểu rõ về các quyền, nghĩa vụ, hậu quả pháp lý và đồng ý với nội dung bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
4. Bên Cầm cố đồng ý rằng bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này được các bên giao kết hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện, không bị ép buộc đồng thời nội dung và hình thức của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bên Cầm cố cũng đồng ý rằng trường hợp vì bất kỳ lý do gì dẫn tới tranh chấp và/hoặc tính hợp pháp của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này, trên bất kỳ phương diện nào, dù là không được cơ quan có thẩm quyền công nhận cũng không làm ảnh hưởng tới hiệu lực và nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác của Bên Cầm cố theo Hợp đồng cầm cố và các thỏa thuận khác giữa NCB với Bên Cầm cố, Bên thứ ba khác có liên quan (nếu có).
5. Các nội dung không được quy định tại bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này sẽ thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cầm cố và/hoặc các bản hợp đồng và điều khoản điều kiện sản phẩm cụ thể. Trường hợp có bất kỳ nội dung mâu thuẫn nào giữa bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này với các văn kiện giao dịch nêu trên thì ưu tiên áp dụng nội dung của các văn kiện giao dịch đó.
6. Trong quá trình sử dụng dịch vụ, Bên Cầm cố đồng ý rằng NCB có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và NCB sẽ công bố công khai trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>) và tại các điểm giao dịch của NCB. Việc Bên Cầm cố tiếp tục sử dụng dịch vụ của NCB sau thời điểm hiệu lực của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung đã được sửa đổi, bổ sung được hiểu là Bên Cầm cố đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung đó.
7. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này được lập bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài (nếu cần thiết). Trong trường hợp có sự mâu thuẫn hay khác biệt giữa bản tiếng nước ngoài và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

## **PHẦN B: CẦM CỐ TIỀN GỬI, GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

### **Điều 3. Quản lý TSBĐ và giấy tờ về TSBĐ**

1. *TSBĐ* và giấy tờ về *TSBĐ* sẽ được giữ bởi NCB.
2. *TSBĐ* được phong tỏa/tạm khóa theo yêu cầu/quy định của NCB trong từng thời kỳ.
3. Việc giữ *TSBĐ* và/hoặc giấy tờ về *TSBĐ* bởi bên thứ ba (nếu có) do NCB toàn quyền quyết định,

không cần sự đồng ý của Bên Cầm cố dưới bất kỳ hình thức nào.

4. NCB được toàn quyền xem xét, quyết định việc cho Bên Cầm cố mượn giấy tờ về TSBĐ. Việc cho mượn thực hiện theo thỏa thuận cụ thể giữa NCB và Bên Cầm cố.
5. NCB sẽ tiếp tục giữ hộ Bên Cầm cố các giấy tờ về TSBĐ và có quyền thu phí theo quy định của NCB khi TSBĐ được giải chấp, xóa chấp mà Bên Cầm cố chưa đến nhận lại giấy tờ về TSBĐ.
6. Việc giao, nhận và quản lý Giấy tờ về TSBĐ được thực hiện theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

#### **Điều 4. Xử lý TSBĐ**

1. Trường hợp xử lý TSBĐ để thu hồi nợ:  
NCB được quyền xử lý TSBĐ để thu hồi một phần hoặc toàn bộ *Các khoản phải trả*, kể cả *Các khoản phải trả* chưa đến hạn, nếu xảy ra một hoặc các trường hợp sau đây:
  - a) Khi đến hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp cầm cố, *Hợp đồng cấp tín dụng* và các cam kết tín dụng với NCB trong thời hạn do NCB thông báo) mà Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên Cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán *Các khoản phải trả* của mình đối với NCB theo quy định trong *Hợp đồng cấp tín dụng*;
  - b) Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng vi phạm các cam kết trong *Hợp đồng cấp tín dụng* và/hoặc Bên Cầm cố vi phạm cam kết trong Hợp đồng cầm cố mà không khắc phục trong thời hạn do NCB yêu cầu thì TSBĐ sẽ được xử lý để thu hồi *Các khoản phải trả*;
  - c) Khi TSBĐ bị tẩu tán, giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng cầm cố nhưng Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NCB hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị ban đầu;
  - d) Một phần hoặc toàn bộ TSBĐ bị chuyển nhượng, bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn, dùng làm TSBĐ cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào khác hoặc bị chuyển quyền sở hữu/sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác trái với thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố và hoặc trái quy định của pháp luật; TSBĐ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ, bị tranh chấp hoặc có những thay đổi mà NCB nhận định là có khả năng dẫn đến nguy cơ khó quản lý hoặc khó xử lý được (các) TSBĐ.
  - e) Trường hợp TSBĐ bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ trả nợ của Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng tại NCB, nếu phải xử lý TSBĐ để thực hiện một nghĩa vụ trả nợ đến hạn thì các nghĩa vụ trả nợ khác tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và được xử lý để thu hồi nợ;
  - f) Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng (nếu là tổ chức) thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
    - (i) Không trả hết nợ gốc và lãi vay hoặc không thông báo bằng văn bản cho NCB về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng TSBĐ sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
    - (ii) Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NCB chấp thuận.
  - g) Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng (nếu là tổ chức) bị lâm vào tình trạng phá sản hoặc bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ; Người đại diện theo pháp luật của Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng bị chết, tuyên bố chết, mất tích, bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không có thông tin, không liên lạc được; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; bị khởi tố hình sự, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù hoặc phải chấp hành bản án hình sự, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc không điều hành hoạt động kinh doanh mà Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng không cử người đại diện theo pháp luật thay thế;
  - h) Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng (nếu là cá nhân) bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc

bị tuyên bố chết, vắng mặt tại nơi cư trú hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến *TSBĐ*;

- i) Các trường hợp khác mà NCB xét thấy cần thiết phải xử lý *TSBĐ* để thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm.
2. Phương thức xử lý *TSBĐ*:
- a) Khi phát sinh trường hợp xử lý *TSBĐ* nêu tại khoản 1 Điều này, NCB được toàn quyền chủ động thực hiện ngay các thủ tục cần thiết để tất toán/yêu cầu tất toán *TSBĐ* theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố và Bản điều khoản điều kiện chung này, quy định nội bộ của NCB và quy định của pháp luật có liên quan mà không cần phải thông báo về việc xử lý *TSBĐ* cho Bên Cầm cố.
  - b) Số tiền thu được từ việc xử lý *TSBĐ* sẽ được giải quyết như sau:
    - (i) Số tiền thu được từ việc xử lý *TSBĐ* sau khi trừ chi phí quản lý, bảo quản *TSBĐ*, giấy tờ về *TSBĐ* và các chi phí khác cho NCB sẽ tiếp tục được thanh toán cho các khoản dưới đây theo thứ tự như sau:
      - Thuế, phí, lệ phí, các khoản chi phát sinh khác liên quan đến việc xử lý *TSBĐ* theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn: thanh toán cho Bên thứ ba là cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và/hoặc tổ chức, cá nhân khác hoặc NCB (trong trường hợp NCB đã thực hiện thay). Các chi phí này do NCB thông báo và Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* cam kết chấp nhận vô điều kiện các chi phí do NCB thông báo;
      - Các khoản phải trả;
      - Các khoản phí, các khoản phải trả khác cho NCB (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ được bảo đảm.
    - (ii) Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý *TSBĐ* lớn hơn tổng giá trị các khoản phải thanh toán thì NCB thanh toán số tiền chênh lệch đó cho Bên Cầm cố, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
    - (iii) Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý *TSBĐ* thấp hơn tổng giá trị các khoản phải thanh toán thì Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ với NCB.

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của NCB**

1. NCB có các quyền sau đây:
  - a) Được quyền định giá lại *TSBĐ* theo định kỳ hoặc tại bất cứ thời điểm nào và yêu cầu Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* bổ sung *TSBĐ* hoặc bổ sung biện pháp bảo đảm khác trong trường hợp *TSBĐ* bị giảm sút giá trị. Giá trị định giá lại do NCB toàn quyền quyết định, không cần sự đồng ý của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*.
  - b) Được quyền chuyển nhượng, chuyển giao quyền thu hồi nợ, ủy quyền, ủy thác cho bên thứ ba xử lý *TSBĐ* theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố và/hoặc các thỏa thuận khác được ký kết giữa NCB và Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* và/hoặc theo quy định của pháp luật mà không cần sự đồng ý của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*.
  - c) Đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của NCB (nếu có) và quy định của pháp luật.
  - d) Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản *TSBĐ* và giấy tờ liên quan khi trả lại tài sản cho Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*.
  - e) Được thực hiện các biện pháp tìm hiểu, xác minh hoặc cung cấp, công bố, chia sẻ các thông tin liên quan đến Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*, *TSBĐ* và các thông tin khác có liên quan cho bên thứ ba (cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan có thẩm quyền khác, công ty thông tin tín dụng, văn phòng luật sư, các tổ chức khác được thành lập hợp pháp) để thực hiện Hợp đồng cầm cố hoặc để phục vụ cho các mục đích khác phù hợp theo quy

định pháp luật.

- f) Các quyền khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố và Bản điều khoản điều kiện chung này theo quy định của pháp luật và các văn bản xác định quyền, nghĩa vụ khác của NCB với Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* (nếu có).
2. NCB có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Bảo quản giấy tờ liên quan *TSBĐ* mà Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* giao cho NCB (nếu có), trong trường hợp làm mất, hư hỏng thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*.
  - b) Trả lại *TSBĐ* và giấy tờ liên quan (nếu có) khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.
  - c) Giải chấp hoặc gửi yêu cầu đơn vị phát hành *TSBĐ* giải chấp và hoàn trả lại các giấy tờ về *TSBĐ* và *TSBĐ* (nếu có) cho Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* sau khi Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* hoàn thành nghĩa vụ thanh toán *Các khoản phải trả* với NCB (trừ trường hợp *TSBĐ* đã được xử lý để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố hoặc Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* không yêu cầu giải chấp *TSBĐ*), hoặc các Bên thống nhất thay thế bằng biện pháp bảo đảm hoặc *TSBĐ* khác.
  - d) Không được bán, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn *TSBĐ*; không được sử dụng *TSBĐ* để thực hiện các nghĩa vụ khác, trừ trường hợp xử lý *TSBĐ* theo quy định tại Hợp đồng cầm cố và quy định của pháp luật.
  - e) Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này, theo quy định của pháp luật và các văn bản xác định quyền, nghĩa vụ khác của NCB với Bên Cầm cố (nếu có).

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng**

##### **1. Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng có các quyền sau đây:**

- a) Được chuyển nhượng hoặc định đoạt *TSBĐ* dưới bất kỳ hình thức nào, nếu được NCB đồng ý bằng văn bản.
- b) Được thay thế *TSBĐ* bằng một tài sản khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- c) Yêu cầu NCB và/hoặc bên thứ ba trả lại *Tài sản bảo đảm* và/hoặc giấy tờ liên quan đến *TSBĐ* khi hoàn thành nghĩa vụ được bảo đảm bằng *TSBĐ* (trừ trường hợp *TSBĐ* đã được xử lý để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố hoặc Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* không yêu cầu giải chấp *TSBĐ*) hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc theo quy định của pháp luật hoặc quy định của NCB trong từng thời kỳ.
- d) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này, quy định của pháp luật và các văn bản xác định quyền, nghĩa vụ khác của NCB với Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* (nếu có).

##### **2. Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng có các nghĩa vụ sau đây:**

- a) Giao *TSBĐ* và/hoặc bản chính giấy tờ về *TSBĐ* và các giấy tờ khác liên quan (nếu có) cho NCB phù hợp với biện pháp bảo đảm ngay khi ký Hợp đồng này.
- b) Khi phát sinh các quyền và lợi ích nêu tại Hợp đồng này, NCB được quyền thay mặt và đại diện Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* để trực tiếp nhận các tài sản này. Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và thanh toán toàn bộ các chi phí liên quan đến việc nhận quyền, lợi ích này; đồng thời Bên Cầm cố phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo yêu cầu của NCB để hoàn tất việc cầm cố các quyền và lợi ích phát sinh cho NCB. Trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* không thực hiện các thủ tục này thì các tài sản này vẫn là *TSBĐ* cho NCB. Nếu Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* có không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và kịp thời các nội dung này thì NCB được quyền xử lý *TSBĐ* để thu hồi *Các khoản phải trả*, kể cả khi chưa đến hạn trả *Các khoản phải trả*.
- c) Phối hợp với NCB hoàn thiện các thủ tục cầm cố và chịu mọi chi phí liên quan đến việc cầm cố (trừ trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* chịu mọi chi phí), bao gồm và không

giới hạn: các chi phí, phí, lệ phí về định giá, định giá lại, công chứng/chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của NCB, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này.

- d) Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* phải thông báo kịp thời cho NCB về:
- Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến giá trị của *TSBĐ*;
  - Quyền của Bên thứ ba đối với *TSBĐ* (nếu có);
  - Thay đổi thông tin nhân thân, địa chỉ thường trú (Trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* là cá nhân) và thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại (Trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* là tổ chức);
  - Thay đổi hình thức sở hữu, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, ngừng hoạt động, giải thể...;
  - Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* hoặc lãnh đạo cấp quản trị, điều hành, người đại diện theo pháp luật của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* bị bắt, truy tố, liên quan đến các vụ kiện.
- e) Trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* (nếu là tổ chức) có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người kế nhiệm có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ, cũng như những nội dung mà người đại diện trước đó đã cam kết.
- f) Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* (nếu là cá nhân) bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, vắng mặt tại nơi cư trú hoặc bị tuyên bố mất tích thì người đại diện hoặc giám hộ hoặc người thừa kế hoặc người quản lý tài sản hợp pháp của người vắng mặt nơi cư trú/người bị tuyên bố là mất tích/người bị tuyên bố là đã chết có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ, cũng như những nội dung mà Bên Cầm cố đã cam kết tại Hợp đồng này.
- g) Chấp nhận vô điều kiện các nghĩa vụ của mình đối với người được NCB bán nợ/chuyển nhượng quyền thụ hưởng các *Hợp đồng cấp tín dụng* và Hợp đồng này.
- h) Việc xảy ra sự kiện bất khả kháng không phải là căn cứ miễn trừ trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* với NCB.
- i) Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này, quy định của pháp luật và các văn bản xác định quyền, nghĩa vụ khác của NCB với Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* (nếu có).

#### **Điều 7. Giải quyết tranh chấp**

1. Khi có vướng mắc, tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên chủ động thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các nội dung đã thỏa thuận, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp hết thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà các Bên thương lượng không thành hoặc không thương lượng được thì một trong các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở chính của NCB hoặc trụ sở chi nhánh/Phòng Giao dịch của NCB (như được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này) hoặc Toà án nơi có *TSBĐ* để giải quyết, tùy theo sự lựa chọn của NCB được ghi nhận tại Đơn khởi kiện. Bên thua kiện sẽ phải chịu toàn bộ án phí, chi phí khác phát sinh có liên quan.
2. Trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* là cá nhân cư trú (thường trú/tạm trú) ở nước ngoài và/hoặc có quốc tịch nước ngoài và/hoặc *TSBĐ* ở nước ngoài, Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang rằng NCB có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của NCB (như được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này) giải quyết tranh chấp theo thủ tục rút gọn phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng Việt Nam hiện hành.
3. NCB có quyền yêu cầu Toà án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với *TSBĐ* và/hoặc Bên Cầm cố hoặc bất kỳ Bên có liên quan nào để thu hồi nợ. Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, các bên sẽ tiếp tục thực hiện trách nhiệm của mình theo Hợp đồng cầm cố trong suốt quá trình các Bên tiến hành bất cứ thủ tục tố tụng nào theo Điều này.
4. Phán quyết của Tòa án không ngăn cản NCB tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của

pháp luật tại Toà án có thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến Hợp đồng này.

#### **Điều 8. Thông Báo**

1. Trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ và/hoặc xuất cảnh khỏi Việt Nam, Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* phải thông báo cho NCB ngay khi có sự thay đổi, nếu không thông báo thì được xem là cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp này, địa chỉ nêu tại Hợp đồng cầm cố (hoặc địa chỉ nêu tại văn bản Thông báo mà NCB nhận được sau cùng) hoặc địa chỉ được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm được xác định là nơi cư trú cuối cùng của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*, mọi thông tin NCB gửi được xem là Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* đã nhận được và NCB không phải chịu trách nhiệm về việc Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* có hay không nhận được các thông tin liên lạc mình đã gửi.
2. Trường hợp có sự thay đổi thông tin liên hệ, Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* phải thông báo đến Bên/các Bên còn lại trước 05 (năm) ngày làm việc.
3. Mọi văn bản thông báo theo Hợp đồng cầm cố và Bản điều khoản điều kiện chung này giữa các Bên có thể được gửi dưới hình thức: (i) Giao nhận trực tiếp, (ii) Gửi bằng thư bảo đảm/bưu điện, (iii) Gửi bằng phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu như email, tin nhắn sms, điện thoại, ..., (iv) qua fax (với bản gốc sẽ được gửi trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau đó) tới địa chỉ, email (nếu có) và/hoặc (v) đăng công khai trên website <https://www.ncb-bank.vn>.
4. Thông báo được coi là đã gửi và đã nhận thành công khi thông báo đó: (i) được gửi trực tiếp tới tay Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* hoặc người đại diện hợp pháp của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*, người đại diện theo pháp luật của NCB hoặc nhân viên có thẩm quyền của NCB; hoặc (ii) theo xác nhận của cơ quan bưu chính; hoặc (iii) nếu gửi bằng phương tiện điện tử thì một bên được xem là đã nhận khi hoàn tất việc gửi mà không bị gián đoạn bởi đường truyền trong quá trình gửi; hoặc (iv) khi có báo cáo từ máy fax của bên gửi gửi xác nhận đã chuyển; và/hoặc ngày được niêm yết chính thức trên website <https://www.ncb-bank.vn>.
5. Trường hợp thời điểm nhận thông báo theo quy định tại Khoản 5 Điều này không phải là ngày làm việc hoặc sau giờ làm việc của bên nhận thông báo thì thời điểm nhận thông báo là ngày làm việc tiếp theo.

#### **Điều 9. Cam kết của Bên Cầm cố và/hoặc Bên được cấp tín dụng**

1. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, *TSBD* nói trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình, không liên quan tới quyền sở hữu, sử dụng hay công sức, tài sản đóng góp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác; *TSBD* không có tranh chấp nào, không ai khác có quyền định đoạt đối với *TSBD*; chưa đem chuyển nhượng/bán, tặng, cho, đổi, dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ dân sự khác dưới bất kỳ hình thức nào; chưa kê khai làm vốn của bất cứ doanh nghiệp nào; *TSBD* không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết Hợp đồng này, nếu sai Bên Cầm cố hoàn toàn chịu trách nhiệm trước NCB và pháp luật.
2. Trường hợp Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* là tổ chức, Hợp đồng cầm cố y sẽ không bị tuyên vô hiệu hoặc đề nghị tuyên vô hiệu vì lý do chưa được chấp thuận hoặc người giao kết không đủ thẩm quyền theo quy định nội bộ của Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng*.
3. Bằng việc ký vào Hợp đồng này, Bên Cầm cố và/hoặc *Bên được cấp tín dụng* xác nhận rằng đã được NCB giải thích đầy đủ, rõ ràng về các quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của việc giao kết và thực hiện Hợp đồng này.

#### **PHẦN C: CHO VAY CẦM CỐ TIỀN GỬI, GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

#### **Điều 10. Lãi suất**

1. Phương thức tính lãi trong hạn:



- Tiền lãi phải trả theo *Hợp đồng cầm cố* được tính theo ngày, trên cơ sở năm là 360 ngày, Lãi suất vay (LSV) (quy định tại Khoản 1 Điều này), dư nợ vay, số ngày vay thực tế trừ khi hai bên có thỏa thuận khác.
- Nếu LSV này tính trên cơ sở 365 ngày thì LSV được xác định theo công thức sau:  
Lãi suất vay/năm (365 ngày) = (Lãi suất vay/năm (360 ngày) : 360 ngày) x 365 ngày.
- Số ngày vay thực tế tối thiểu là 01 ngày.

2. Điều chỉnh lãi suất bất thường:

Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng lãi suất theo *Hợp đồng cầm cố* có thể được điều chỉnh bất thường theo quyết định riêng của NCB khi các chính sách quản lý của Nhà nước; các quy định pháp luật có sự thay đổi, biến động bất thường hoặc khi đánh giá, xếp hạng của Bên được cấp tín dụng tại NCB có sự thay đổi. Trong trường hợp này, NCB sẽ xác định mức lãi suất mới và thông báo cho Bên được cấp tín dụng. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không đồng ý với mức lãi suất điều chỉnh bất thường, Bên được cấp tín dụng có quyền trả nợ trước hạn cho NCB.

**Điều 11. Quy định về khoản phải trả**

1. Bên được cấp tín dụng phải trả hết Các khoản phải trả (nghĩa vụ trả nợ) cho NCB khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận của hai bên tại *Hợp đồng cầm cố*, Khế ước nhận nợ và/hoặc Cam kết trả nợ khác.
2. Các khoản phải trả theo *Hợp đồng cầm cố* bao gồm toàn bộ các khoản tiền mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán cho NCB, bao gồm nhưng không giới hạn: Nợ gốc, , lãi vay, phí trả nợ gốc trước hạn; Chi phí quản lý, xử lý tài sản, chi phí thu hồi nợ, các chi phí khác có liên quan đến thu hồi nợ và các khoản phí, phạt phải trả khác được thỏa thuận cụ thể tại các hợp đồng/thỏa thuận/văn bản ký kết giữa NCB và Bên được cấp tín dụng .

**Điều 12. Thu hồi trước hạn các khoản phải trả**

1. NCB được quyền ngưng giải ngân và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ Các khoản phải trả, tùy theo quyết định của NCB, nếu xảy ra một hoặc các trường hợp sau đây:
  - a) Bên được cấp tín dụng sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc không cung cấp được cho NCB đầy đủ hồ sơ hợp lệ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.
  - b) Bên được cấp tín dụng đang có phát sinh nợ không đủ tiêu chuẩn tại NCB hoặc bất kỳ tổ chức tín dụng nào.
  - c) Bên được cấp tín dụng hoặc (các) Bên được cấp tín dụng ảo đảm (nếu có) cung cấp cho NCB thông tin hoặc hồ sơ không chính xác, không trung thực làm ảnh hưởng đến quyết định cho vay của NCB.
  - d) Bên được cấp tín dụng bị chết, bị tuyên bố mất tích, không xác định được địa chỉ hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; bị khởi tố, truy tố hoặc xét xử hình sự hoặc phải thi hành Bản án hình sự.
  - e) Bên được cấp tín dụng có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của NCB là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng hoặc ảnh hưởng đến (các) Tài sản bảo đảm.
  - f) (Các) *Tài sản bảo đảm* bị tranh chấp hoặc có những thay đổi mà NCB nhận định là có khả năng dẫn đến nguy cơ khó quản lý hoặc khó xử lý được (các) *Tài sản bảo đảm* đó.
  - g) Trường hợp tỷ giá biến động làm giảm giá trị *Tài sản bảo đảm* là (các) khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng USD dẫn đến số tiền nhận nợ chiếm tỷ lệ 95% so với giá trị *Tài sản bảo đảm*.
  - h) Theo đánh giá của NCB khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng bị suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ.
  - i) Bên được cấp tín dụng vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong

*Hợp đồng cầm cố* hoặc các thỏa thuận khác giữa Các bên mà không khắc phục được trong thời hạn do NCB yêu cầu.

- j) Việc duy trì khoản vay cho Bên được cấp tín dụng có thể dẫn đến việc NCB vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  - k) NCB phải thu hồi Các khoản phải trả trước hạn theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào.
2. Trường hợp NCB thu hồi trước hạn Các khoản phải trả, NCB sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng biết bằng văn bản. Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB đầy đủ Các khoản phải trả theo thời hạn mà NCB thông báo.

### **Điều 13. Phương thức trả nợ, thứ tự thu nợ**

- 1. NCB được quyền thu hồi các khoản phải trả của Bên được cấp tín dụng đối với NCB phát sinh liên quan đến *Hợp đồng cầm cố* như sau:
  - a) Đối với nợ trong hạn: NCB được quyền thu hồi các khoản phải trả trong hạn của Bên được cấp tín dụng đối với NCB phát sinh liên quan đến *Hợp đồng cầm cố* theo thứ tự như sau: Các khoản phí tín dụng và các khoản chi phí khác (nếu có); Nợ lãi trong hạn; Nợ gốc; Các khoản phải trả khác (nếu có) trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác hoặc NCB quyết định khác.
  - b) Đối với nợ quá hạn: NCB được quyền thu hồi các khoản phải trả của Bên được cấp tín dụng đối với NCB phát sinh liên quan đến *Hợp đồng cầm cố* nếu khoản vay bị chuyển nợ quá hạn theo thứ tự như sau: Các chi phí liên quan đến việc xử lý nợ (bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí liên quan đến định giá, bảo quản, xử lý tài sản bảo đảm, chi phí tố tụng, thi hành án và các chi phí thu hồi nợ khác) (nếu phải xử lý tài sản bảo đảm); Các khoản phí tín dụng và các khoản phạt vi phạm Hợp đồng (nếu có); Nợ gốc; Nợ lãi chậm trả; Nợ lãi quá hạn; Nợ lãi trong hạn; Các khoản phải trả khác (nếu có) trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác hoặc NCB quyết định khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Cam kết của Bên được cấp tín dụng**

Bên được cấp tín dụng cam kết và bảo đảm:

- 1. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng các thông báo, ấn định lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí... theo quy định của Hợp đồng này của NCB đối với Bên được cấp tín dụng là một phần không thể thiếu của Hợp đồng này và nó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của Bên được cấp tín dụng đối với NCB.
- 2. Tất cả các thông tin liên quan đến địa chỉ, e-mail, số điện thoại và các thông tin khác của Bên được cấp tín dụng nêu trong Hợp đồng này, các văn bản Bên được cấp tín dụng đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng của NCB là các thông tin, địa chỉ mà Bên được cấp tín dụng đăng ký với NCB để nhận các thông tin từ NCB tới Bên được cấp tín dụng, bao gồm như Thông báo nhắc nợ, thông báo lãi suất... Các Thông báo của NCB gửi tới Bên được cấp tín dụng thông qua các hình thức thông tin mà Bên được cấp tín dụng đăng ký hoặc các thông báo của NCB được công khai trên website chính thức của NCB có giá trị ràng buộc Bên được cấp tín dụng.
- 3. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng, NCB được quyết định mà không cần phải thông báo hay có sự đồng ý của Bên được cấp tín dụng và được miễn trừ mọi nghĩa vụ pháp lý trong các việc sau:
  - a) Sử dụng, cung cấp, chia sẻ, thu thập thông tin liên quan đến Bên được cấp tín dụng, các khoản cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB, tài sản bảo đảm cho các khoản cấp tín dụng này cho Tổ chức có chức năng hoạt động thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật và bên thứ ba cho mục đích ký kết, duy trì, thực hiện Hợp đồng này và thu hồi Các khoản phải trả.
  - b) Tìm kiếm, xác minh thông tin từ bên thứ ba, bao gồm như các thông tin, tài liệu liên quan đến Bên được cấp tín dụng, các khoản cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng, giao dịch của Bên

được cấp tín dụng với NCB và bất kỳ thông tin, tài liệu nào khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- c) Được quyền xử lý TSBĐ và/hoặc tự động tạm khóa/phong tỏa tất cả tài khoản của Bên được cấp tín dụng mở tại NCB và/hoặc tự động trích thu tiền từ tất cả tài khoản của Bên được cấp tín dụng mở tại NCB trong các trường hợp sau:
- (i) Để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và/hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác của Bên được cấp tín dụng tại NCB;
  - (ii) NCB phát hiện có sự nhầm lẫn khi hạch toán sai, hạch toán nhầm khi thực hiện các thủ tục liên quan đến việc cầm cố và/hoặc cho vay liên quan đến TSBĐ hoặc khoản vay cầm cố của KH;
  - (iii) Để thực hiện các nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với NCB hoặc Bên thứ ba khác.
  - (iv) Các trường hợp mà NCB đánh giá các giao dịch cầm cố và/hoặc vay cầm cố của Bên được cấp tín dụng có thể liên quan đến giả mạo, rủi ro, gian lận và phòng chống rửa tiền;
  - (v) Khi NCB phát hiện các giao dịch cầm cố và/hoặc vay cầm cố có thể ảnh hưởng đến lợi ích của NCB và/hoặc Bên được cấp tín dụng và/hoặc những đối tượng có liên quan có thể bị tổn hại hoặc có gian lận.
4. Trả cho NCB Các khoản phải trả đầy đủ và đúng hạn.
5. Tạo điều kiện thuận lợi để NCB kiểm tra, giám sát và cung cấp theo yêu cầu của NCB các thông tin và hồ sơ liên quan đến việc cho vay, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin và hồ sơ đã cung cấp.
6. Sử dụng vốn vay đúng mục đích và không sử dụng vốn vay vào mục đích trái pháp luật đồng thời phải báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay cầm cố kiêm khế ước nhận nợ theo yêu cầu của NCB.

#### **Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng**

1. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản cho NCB trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng như sau:
- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến nhân thân, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên được cấp tín dụng (cả vợ và chồng) tại bất cứ thời điểm nào khi có sự thay đổi so với các thông tin đã cung cấp cho NCB trước đó hoặc khi NCB có yêu cầu; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin, tài liệu cung cấp cho NCB;
  - b) Thông báo ngay lập tức cho NCB ngay khi phát sinh các sự kiện sau:
    - (i) Bên được cấp tín dụng có thay đổi thông tin mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay cầm cố kiêm khế ước nhận nợ;
    - (ii) Thay đổi thông tin về Tài sản bảo đảm/Bên bảo đảm và/hoặc Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho các Khoản phải trả;
    - (iii) Có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng.
    - (iv) Các thông tin, tài liệu, sự kiện bất kỳ khác làm ảnh hưởng đến việc Cấp tín dụng và/hoặc khả năng thanh toán Các khoản phải trả cho NCB.
2. Thỏa thuận về việc cung cấp Thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng:
- a) Bên được cấp tín dụng đồng ý cho NCB cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB cho công ty thông tin tín dụng (“Đối tác”) mà NCB đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia).
  - b) Hiện nay, Đối tác mà NCB là tổ chức tham gia là :

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM (PCB);
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296;
  - Đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007.
- c) Trường hợp, sau khi xác lập Hợp đồng cấp tín dụng, NCB thay đổi Đối tác hoặc bổ sung thêm Đối tác khác (nếu quy định pháp luật cho phép) thì NCB có trách nhiệm thông báo cho Bên được cấp tín dụng (bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông tin khác liên quan) trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày NCB cam kết cung cấp thông tin tín dụng với một công ty thông tin tín dụng.
  - d) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp ("*Thông tin*"): các dữ liệu, số liệu, và các thông tin tín dụng có liên quan khác của Bên được cấp tín dụng tại NCB. Việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của NCB cho Đối tác đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.
  - e) Khi Đối tác bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc không còn hợp tác với NCB, NCB sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng cho Đối tác và Bên được cấp tín dụng đồng ý thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại Đối tác được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. NCB có trách nhiệm thông báo với Bên được cấp tín dụng về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày NCB nhận được thông báo của Đối tác về phương án xử lý thông tin tín dụng.
  - f) Trường hợp, sau khi Hợp đồng cấp tín dụng có hiệu lực mà các nội dung quy định của pháp luật về cung cấp Thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng có thay đổi thì việc cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB cho Công ty Thông tin tín dụng sẽ do NCB toàn quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
  - g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, các văn bản thỏa thuận khác giữa Bên được cấp tín dụng và NCB và Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
3. Việc quản lý thông tin, dữ liệu cá nhân của các bên được thực hiện theo quy định tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng, Phụ lục 01 - Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân kèm theo Điều Khoản Điều Kiện Chung này và các quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 13. Bảo mật thông tin**

1. Bên được cấp tín dụng cam kết bảo mật các thông tin liên quan/phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng hoặc các thông tin của NCB mà Bên được cấp tín dụng có được do NCB và/hoặc cán bộ, nhân viên của NCB cung cấp (*Sau đây gọi tắt là "Thông tin"*) cho bất kỳ bên thứ ba nào khác (trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) mà không được sự đồng ý bằng văn bản của NCB. Để làm rõ, Bên được cấp tín dụng được quyền cung cấp các thông tin này cho cán bộ, nhân viên của mình để thực hiện Hợp đồng này, với điều kiện cán bộ, nhân viên của Bên được cấp tín dụng phải tuân thủ nghĩa vụ về bảo mật thông tin này và Bên được cấp tín dụng phải chịu trách nhiệm trong trường hợp cán bộ, nhân viên của mình vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin.
2. Bên được cấp tín dụng cam kết không thực hiện sao chép hoặc tái bản hoặc chuyển thành văn bản hoặc biểu hiện khác hoặc giữ bất cứ hồ sơ chứa bất kỳ Thông tin nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của NCB.
3. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng buộc phải tiết lộ các Thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: (i) Bên được cấp tín dụng sẽ thông báo cho NCB bằng văn bản trước khi cung cấp thông tin để NCB có thể thực hiện các hành động thích hợp hoặc các biện pháp bảo vệ phù hợp khác và (ii) Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thực hiện theo đúng các yêu cầu và biện pháp khắc phục do NCB đưa ra. Trong trường hợp không có được các biện pháp bảo vệ này, Bên được cấp tín dụng cam kết sẽ chỉ cung cấp phần thông tin đúng

theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo cách thức phù hợp để bảo mật thông tin.

4. Bên được cấp tín dụng sẽ thông báo ngay lập tức cho NCB bất kỳ việc sử dụng hoặc tiết lộ trái phép hoặc lạm dụng bởi bất kỳ người nào đối với bất kỳ Thông tin nào, sau khi Bên được cấp tín dụng nhận được, có được thông tin hoặc có thông báo hoặc biết về những vi phạm này.

## PHỤ LỤC 01: VỀ ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Khách hàng đồng ý áp dụng, phối hợp và cam kết tuân thủ Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là Ngân hàng) và đồng ý cho Ngân hàng được thực hiện các hành động để xử lý Dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ dữ liệu/Khách hàng.

### 1. Giải thích từ ngữ:

- 1.1 **“Dữ liệu cá nhân”** là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 1.2 **“Dữ liệu cá nhân cơ bản”** bao gồm:
- a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
  - b) Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích;
  - c) Giới tính;
  - d) Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
  - e) Quốc tịch;
  - f) Hình ảnh của cá nhân;
  - g) Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;
  - h) Tình trạng hôn nhân;
  - i) Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái);
  - j) Thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng;
  - k) Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể mà không thuộc trường hợp dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 1.3 **“Dữ liệu cá nhân nhạy cảm”** là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp với quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm:
- a) Quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo;
  - b) Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;
  - c) Thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc;
  - d) Thông tin về đặc điểm di truyền được thừa hưởng hoặc có được của cá nhân;
  - e) Thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân;
  - f) Thông tin về đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân;
  - g) Dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;
  - h) Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
  - i) Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
  - j) Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định là đặc thù và cần có biện pháp bảo mật cần thiết.
- 1.4 **“Xử lý dữ liệu cá nhân”** là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

- 1.5 “**Khách hàng**” là chủ thể dữ liệu cá nhân (cá nhân được Dữ liệu cá nhân phản ánh) để tiếp cận, tìm hiểu, đăng ký, sử dụng hoặc có liên quan trong quy trình hoạt động, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.
- 1.6 “**Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân**” là tổ chức, cá nhân quyết định mục đích và phương tiện xử lý dữ liệu cá nhân
- 1.7 “**Bên Xử lý dữ liệu cá nhân**” là tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý dữ liệu thay mặt cho Bên Kiểm soát dữ liệu, thông qua một hợp đồng hoặc thỏa thuận với Bên Kiểm soát dữ liệu.
- 1.8 “**Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân**” là tổ chức, cá nhân đồng thời quyết định mục đích, phương tiện và trực tiếp xử lý dữ liệu cá nhân

## **2. Những quy định chung:**

- 2.1 Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng đối với mọi Dữ liệu cá nhân khi tham gia/xác lập các giao dịch giữa Khách hàng với Ngân hàng, thể hiện sự đồng ý toàn bộ của Khách hàng đối với Ngân hàng trong việc Xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng.
- 2.2 Ngân hàng đề cao và tôn trọng quyền riêng tư, bảo mật và an toàn thông tin cá nhân. Đồng thời, Ngân hàng luôn nỗ lực bảo vệ thông tin cá nhân, quyền riêng tư của Khách hàng (bao gồm cả những chủ thể có liên quan của Khách hàng) và tuân thủ quy định pháp luật.
- 2.3 Ngân hàng chỉ thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật và trong phạm vi (các) thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- 2.4 Bằng việc cung cấp dữ liệu cá nhân của một bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thông tin của người phụ thuộc, người có liên quan theo quy định pháp luật, vợ/chồng, con cái và/hoặc cha mẹ và/hoặc người giám hộ, bạn bè, người tham chiếu, bên thụ hưởng, người được ủy quyền, đối tác, người liên hệ trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cá nhân khác của Khách hàng) cho Ngân hàng, Khách hàng cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng Khách hàng đã có được sự đồng ý hợp pháp của bên thứ ba đó cho việc xử lý và thông tin về việc Ngân hàng là chủ thể xử lý các thông tin cá nhân cho các mục đích được nêu tại Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- 2.5 Phụ thuộc vào vai trò của Ngân hàng trong từng tình huống cụ thể là (i) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân; (ii) Bên Xử lý dữ liệu cá nhân; hoặc (iii) Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu, Ngân hàng sẽ thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm tương ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 2.6 Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột hoặc mâu thuẫn nào với các thỏa thuận, điều khoản và điều kiện chi phối mối quan hệ của Khách hàng với Ngân hàng, cho dù được ký kết trước, vào ngày hoặc sau ngày Khách hàng chấp thuận Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này.
- 2.7 Tất cả các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng và Khách hàng tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này sẽ không thay thế, chấm dứt hoặc thay đổi, nhưng sẽ là cộng dồn vào các quyền mà Ngân hàng và Khách hàng đang có ở bất kỳ văn bản nào và không một điều khoản nào trong Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này hàm ý hạn chế hoặc xóa bỏ bất kỳ quyền nào trong số các quyền của Ngân hàng

## **3. Các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân:**

### **3.1 Thu thập dữ liệu cá nhân**

- 3.1.1 Để Ngân hàng có thể cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng và/hoặc xử lý các yêu cầu của Khách hàng, Ngân hàng có thể cần phải và/hoặc được yêu cầu phải thu thập dữ liệu cá nhân, bao gồm: (i) Dữ liệu cá nhân cơ bản và (ii) Dữ liệu cá nhân nhạy cảm có liên quan đến Khách hàng và các cá nhân có liên quan của Khách hàng.
- 3.1.2 Ngân hàng có thể thu thập trực tiếp hoặc gián tiếp những dữ liệu cá nhân này từ Khách hàng hoặc trong quá trình Ngân hàng cung cấp bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào cho Khách hàng, và từ các nguồn sau bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Thông qua quan hệ được thiết lập giữa Ngân hàng và Khách hàng khi Khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng hoặc tham gia vào các chương trình, hoạt động của Ngân hàng;
- b) Từ các nhà cung cấp, bên cung cấp dịch vụ, đối tác, bên liên kết và các bên thứ ba có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- c) Từ các bên thứ ba có quan hệ với Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn người sử dụng lao động, đồng sở hữu tài khoản, bên bảo lãnh, bên cung cấp biện pháp bảo đảm; bên giao dịch;
- d) Từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác tại Việt Nam;
- e) Từ hoạt động phân tích các hoạt động của Khách hàng trong quá trình sử dụng các sản phẩm dịch vụ tại Ngân hàng;
- f) Từ nguồn của bên thứ ba, mà Khách hàng đồng ý việc chia sẻ/cung cấp dữ liệu cá nhân, hoặc những nguồn mà việc thu thập phù hợp với quy định của pháp luật.

### **3.2 Mục đích xử lý dữ liệu cá nhân:**

3.2.1 Ngân hàng được quyền xử lý dữ liệu cá nhân cho các mục đích sau đây:

- a) Xác minh tính chính xác, đầy đủ của các thông tin được Khách hàng cung cấp; xác định hoặc xác thực danh tính của Khách hàng và thực hiện quy trình xác thực khách hàng;
- b) Triển khai, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng; xác lập bất cứ giao dịch nào giữa Ngân hàng với Khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm của bên thứ ba như sản phẩm đầu tư hoặc bảo hiểm);
- c) Thẩm định hồ sơ pháp lý, tín dụng, tài sản và khả năng đủ điều kiện của Khách hàng đối với bất kỳ sản phẩm và dịch vụ nào do Ngân hàng đề xuất hoặc cung cấp;
- d) Liên hệ với Khách hàng nhằm trao đổi thông tin, giao các hóa đơn, các sao kê, các báo cáo hoặc các tài liệu khác có liên quan;
- e) Thông báo cho Khách hàng các thông tin về quyền lợi, thay đổi các tính năng của sản phẩm, dịch vụ;
- f) Quản lý và đánh giá các hoạt động kinh doanh bao gồm thiết kế, cải tiến và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng hoặc thực hiện các hoạt động truyền thông tiếp thị;
- g) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hoặc các loại báo cáo liên quan khác theo quy định pháp luật;
- h) Thực hiện nghiên cứu thị trường, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến bất kỳ các sản phẩm, dịch vụ nào do Ngân hàng cung cấp (dù được thực hiện bởi Ngân hàng hay một bên thứ ba khác mà Ngân hàng hợp tác) mà có thể liên quan đến Khách hàng;
- i) Bảo vệ lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan;
- j) Ngăn chặn hoặc giảm thiểu mối đe dọa đối với tính mạng, sức khỏe của người khác và lợi ích công cộng;
- k) Để đáp ứng, tuân thủ các chính sách nội bộ của Ngân hàng, các thủ tục và bất kỳ quy tắc, quy định, hướng dẫn, chỉ thị hoặc yêu cầu được ban hành bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- l) Để đánh giá bất kỳ yêu cầu mua lại, tiến hành giao dịch mua lại, chuyển giao việc kinh doanh và/hoặc tài sản, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ theo (những) hợp đồng giữa Khách hàng với Ngân hàng;
- m) Để bảo vệ hoặc thực thi các quyền của Ngân hàng, bao gồm việc để thu các khoản phí, lệ phí, và/hoặc để thu hồi bất kỳ khoản nợ nào, theo bất kỳ thỏa thuận nào giữa Khách hàng và Ngân hàng.
- n) Cho các nhà cung cấp/các bên cung cấp dịch vụ/đối tác của Ngân hàng để thực hiện dịch vụ cho Khách hàng và/hoặc Ngân hàng;
- o) Để phục vụ hoạt động kiểm toán, quản lý rủi ro và tuân thủ của Ngân hàng;



- p) Để nhận biết, xác minh và duy trì thông tin chính xác về nhận biết Khách hàng (KYC), thực hiện việc tìm kiếm, xác minh và kiểm tra phòng chống rửa tiền, FATCA, tín dụng hoặc các kiểm tra khác theo yêu cầu;
  - q) Ngân hàng được sử dụng dữ liệu cá nhân của Khách hàng được ghi lại bởi hệ thống an ninh giám sát cho các mục đích sau đây: (i) cho mục đích an ninh công cộng và an toàn lao động; (ii) phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể phát sinh tại các địa điểm kinh doanh của Ngân hàng hoặc trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng; (iii) phát hiện và ngăn chặn hành vi phạm tội; và/hoặc để tiến hành điều tra các vấn đề phát sinh khác.
- 3.2.2 Ngân hàng sẽ yêu cầu sự đồng ý từ Khách hàng trước khi sử dụng dữ liệu cá nhân của Khách hàng cho mục đích khác ngoài các mục đích đã được nêu tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### **3.3 Xử lý dữ liệu cá nhân trong một số trường hợp đặc biệt:**

- 3.3.1 Ngân hàng sẽ có thể ghi âm, ghi hình và xử lý dữ liệu cá nhân thu thập được từ camera quan sát (“CCTV”) tại các khu vực có lắp CCTV (bao gồm nhưng không giới hạn bởi khu vực ATM, khu vực ở hành lang, khu vực lối ra/lối...) phù hợp với các yêu cầu đảm bảo an ninh trong hoạt động Ngân hàng và cho Khách hàng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Ngân hàng đảm bảo sẽ có phương thức thông báo phù hợp đến Khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- 3.3.2 Ngân hàng luôn tôn trọng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em. Ngoài các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định theo pháp luật, trước khi xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, Ngân hàng sẽ thực hiện xác minh tuổi của trẻ em và yêu cầu sự đồng ý của (i) trẻ em và/hoặc (ii) cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật.
- 3.3.3 Đối với việc xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích/người đã chết, Ngân hàng sẽ phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó, trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết trừ trường hợp quy định tại 3.3.1 và 3.3.4
- 3.3.4 Xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu:
- a) Trong trường hợp khẩn cấp, cần xử lý ngay dữ liệu cá nhân có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chủ thể dữ liệu hoặc người khác.
  - b) Việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật.
  - c) Việc xử lý dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; khi có nguy cơ đe dọa an ninh, quốc phòng nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của luật.
  - d) Để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của luật
  - e) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành

### **3.4 Việc chuyển giao và cung cấp dữ liệu cá nhân:**

- 3.4.1 Nhằm thực hiện các mục đích và hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, Ngân hàng có thể cung cấp dữ liệu cá nhân của Khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân của các bên thứ ba có liên quan đến Khách hàng, cho một hoặc các bên dưới đây:
- a) Các đối tác kinh doanh, nhà cung cấp phần thưởng, nhà cung cấp quà tặng, các bên đồng thương hiệu, chương trình khách hàng thân thiết, các nhà quảng cáo, tổ chức từ thiện hoặc tổ chức phi lợi nhuận; bất kỳ tổ chức tín dụng, đại lý và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính, thương nhân, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, đơn vị chấp nhận thẻ, tổ chức thẻ quốc tế VISA, tổ chức thẻ quốc tế

MasterCard và các tổ chức thẻ khác liên quan đến bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào mà Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng;

- b) Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc bất kỳ cá nhân, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý hoặc bên thứ ba mà Ngân hàng được phép hoặc bắt buộc phải tiết lộ theo quy định pháp luật của bất kỳ quốc gia, hoặc theo bất kỳ hợp đồng/thỏa thuận hoặc cam kết nào khác giữa bên thứ ba và Ngân hàng;
- c) Các công ty thành viên, công ty con của Ngân hàng;
- d) Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức nào khác được thành lập bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan khác có thẩm quyền đối với Ngân hàng;
- e) Bất kỳ cá nhân nào sở hữu tài khoản chung/tài sản chung cùng với Khách hàng;
- f) Bất kỳ cá nhân nào có liên quan đến việc thực thi hoặc duy trì bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo (các) thỏa thuận giữa Khách hàng với Ngân hàng;
- g) Các bên thứ ba mà Khách hàng đồng ý để chia sẻ dữ liệu cá nhân của Khách hàng.

#### **4. Chuyển giao dữ liệu cá nhân ra nước ngoài:**

- 4.1 Nhằm thực hiện mục đích xử lý dữ liệu cá nhân tại Điều khoản và điều kiện về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, Ngân hàng có thể phải cung cấp/chia sẻ dữ liệu cá nhân của Khách hàng đến các bên thứ ba liên quan của Ngân hàng và các bên thứ ba này có thể tại Việt Nam hoặc bất cứ địa điểm nào khác nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 4.2 Khi thực hiện việc cung cấp/chia sẻ dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, Ngân hàng sẽ yêu cầu bên tiếp nhận đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân của Khách hàng được chuyển giao cho họ sẽ bảo mật và an toàn. Ngân hàng đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý và quy định liên quan đến việc chuyển giao dữ liệu cá nhân của Khách hàng.

#### **5. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến dữ liệu cá nhân cung cấp cho Ngân hàng**

- 5.1 Khách hàng có các quyền sau đây: (i) Quyền được biết; (ii) Quyền đồng ý; (iii) Quyền truy cập; (iv) Quyền rút lại sự đồng ý; (v) Quyền xóa dữ liệu; (vi) Quyền hạn chế xử lý dữ liệu; (vii) Quyền cung cấp dữ liệu; (viii) Quyền phản đối xử lý dữ liệu; (ix) Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; (x) Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; (xi) Quyền tự bảo vệ và các quyền có liên quan khác theo quy định của pháp luật.
- 5.2 Trong phạm vi pháp luật cho phép, Khách hàng có thể thực hiện các quyền của mình bằng cách liên hệ trực tiếp với Ngân hàng hoặc thông qua tổng đài Chăm sóc khách hàng.
- 5.3 Ngân hàng, bằng sự nỗ lực hợp lý, sẽ thực hiện yêu cầu hợp pháp và hợp lệ từ Khách hàng trong khoảng thời gian luật định kể từ khi nhận được yêu cầu hoàn chỉnh và hợp lệ và phí xử lý liên quan (nếu có) từ Khách hàng, tùy thuộc vào quyền của Ngân hàng được viện dẫn đến bất kỳ sự miễn trừ và/hoặc ngoại lệ nào theo quy định pháp luật.
- 5.4 Khi Khách hàng rút lại sự đồng ý của mình đối với bất kỳ hoặc tất cả các mục đích, yêu cầu xóa Dữ liệu, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu hoặc phản đối xử lý dữ liệu, tùy thuộc vào yêu cầu của Khách hàng, việc thực hiện theo các yêu cầu của Khách hàng, việc thực hiện theo các yêu cầu này có thể làm cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng bị giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản hoặc bị cấm đoán. Các yêu cầu của Khách hàng tại quy định này dẫn đến việc Ngân hàng có thể sẽ không cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm, dịch vụ đầy đủ và chất lượng như thông thường hoặc tùy trường hợp Ngân hàng có thể quyết định việc ngừng, không tiếp tục cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm với Khách hàng cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh và các quyền hợp pháp của Ngân hàng sẽ được bảo lưu một cách rõ ràng đối với việc giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản, hoặc cấm đoán đó.

Trong những trường hợp mà Dữ liệu cá nhân do Khách hàng đã cung cấp là điều kiện tiên quyết cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, các yêu cầu về thu hồi sự đồng ý, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý dữ liệu mà Khách hàng đưa ra có thể được Ngân hàng xem là quyết định chấm dứt từ phía Khách hàng cho bất kỳ mối quan hệ hợp đồng nào mà Khách hàng có với Ngân hàng.

- Các yêu cầu của Khách hàng tại Quy định này không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của các hoạt động xử lý Dữ liệu trước đó của Ngân hàng
- 5.5 Vì mục đích bảo mật, Khách hàng cần phải đưa ra yêu cầu của mình bằng văn bản hoặc sử dụng phương pháp khác để chứng minh và xác thực danh tính của Khách hàng. Ngân hàng có thể yêu cầu Khách hàng xác minh danh tính trước khi xử lý yêu cầu của Khách hàng.
- 6. Biện pháp Bảo mật dữ liệu cá nhân:**
- 6.1 Ngân hàng xem các dữ liệu cá nhân của Khách hàng như là tài sản quan trọng nhất của Ngân hàng và Ngân hàng đảm bảo tính bảo mật, an toàn, tuân thủ pháp luật, hạn chế các hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra (bao gồm nhưng không giới hạn: rò rỉ dữ liệu hoặc xử lý dữ liệu không phù hợp gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Khách hàng). Trách nhiệm bảo mật dữ liệu cá nhân của Khách hàng là yêu cầu bắt buộc Ngân hàng đặt ra cho toàn thể nhân viên.
- 6.2 Ngân hàng thực hiện trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành và thường xuyên xem xét và cập nhật các biện pháp xử lý và kỹ thuật xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng (nếu có).
- 7. Lưu trữ dữ liệu cá nhân**
- 7.1 Dữ liệu cá nhân của Khách hàng do Ngân hàng lưu trữ sẽ được bảo mật. Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ dữ liệu cá nhân của Khách hàng.
- 7.2 Ngân hàng lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành các mục đích theo Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, trừ khi thời gian lưu trữ dữ liệu cá nhân lâu hơn được yêu cầu hoặc cho phép bởi các quy định pháp luật hiện hành.
- 8. Sửa đổi**
- Ngân hàng được quyền sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh các điều khoản của Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và/hoặc nhằm đảm bảo hiệu quả của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đảm bảo quyền lợi của khách hàng và Ngân hàng. Thông báo về sự sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được cập nhật, đăng tải trên trang điện tử của Ngân hàng: <https://www.ncb-bank.vn/> và/hoặc Mobile banking/Internet banking và/hoặc thông báo đến khách hàng thông qua các phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng.
- 9.** Khách hàng đã đọc, tìm hiểu và nắm được đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của Chủ thể dữ liệu với tư cách là Chủ thể dữ liệu, loại Dữ liệu cá nhân được xử lý, mục đích xử lý và các tổ chức, cá nhân được Xử lý dữ liệu cá nhân.